

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 67/2019/HS-PT
Ngày 17 - 9 - 2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Văn Mỹ

Các Thẩm phán: Ông Châu Việt Thanh

Ông Cao Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Quan Tuấn Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 64/2019/TLPT-HS ngày 07 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo Lê Thị A và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2019/HS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Bị cáo: **Lê Thị A**, sinh năm 1968 tại Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp N, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L (chết) và bà Hồ Thị L (chết); có chồng Nguyễn Văn T, sinh năm 1960 và 03 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/12/2018 đến ngày 21/12/2018 cho tại ngoại (có mặt).

2. Bị cáo: **Phan Văn C**, sinh năm 1982 tại Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp N, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm ruộng, mua bán; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn S, sinh năm 1942 và bà Quách Thị R, sinh năm 1943; có vợ Lê Thị L, sinh năm 1979 và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/12/2018 đến ngày 22/12/2018 cho tại ngoại (có mặt).

3. Bị cáo: **Lê Thị N**, sinh năm 1985 tại Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp N, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn P (chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1946; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/12/2018 đến ngày 21/12/2018 cho tại ngoại (có mặt).

4. Bị cáo: **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1965 tại Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp N, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn):

02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (chết) và bà Võ Thị C, sinh năm 1940; có chồng Nguyễn Văn D, sinh năm 1971 (là bị cáo trong vụ án) và 03 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/12/2018 đến ngày 21/12/2018 cho tại ngoại (có mặt).

5. Bị cáo: **Đặng Văn L**, sinh năm 1962 tại Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp N, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn Đ (chết) và bà Nguyễn Thị K (chết); có vợ Lâm Thị T, sinh năm 1967 và 05 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/12/2018 đến ngày 21/12/2018 cho tại ngoại (có mặt).

6. Bị cáo: **Đặng Thị S**, sinh năm 1967 tại Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp N, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn Đ (chết) và bà Nguyễn Thị K (chết); có chồng Nguyễn Văn T, sinh năm 1967 (là bị cáo trong vụ án) và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/12/2018 đến ngày 21/12/2018 cho tại ngoại (có mặt).

7. Bị cáo: **Huỳnh Văn P** (Tên gọi khác: Đ), sinh năm 1988 tại Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp N, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Công D, sinh năm 1940 và bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1942; có vợ Huỳnh Thị C, sinh năm 1983 và 01 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

8. Bị cáo: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1967 tại Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp N, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B (chết) và bà Võ Thị U (chết); có vợ Đặng Thị S, sinh năm 1967 (là bị cáo trong vụ án) và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

9. Bị cáo: **Hồ Minh N**, sinh năm 1995 tại Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp N, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn N, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1967; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

10. Bị cáo: **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1971 tại Bạc Liêu. Nơi đăng ký thường trú: Ấp 17, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở hiện nay: Ấp N, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn R (chết) và bà Nguyễn Thị N (chết); có vợ Nguyễn Thị B, sinh năm 1965 (là bị cáo trong vụ án) và 03 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

11. Bị cáo: **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1982 tại Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp N, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn U (chết) và bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1957; có vợ Trần Thị Út

M, sinh năm 1983 và 03 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/12/2018 đến ngày 21/12/2018 cho tại ngoại (có mặt).

12. Bị cáo: **Đặng Văn T**, sinh năm 1986 tại Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp N, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn Đ (chết) và bà Nguyễn Thị K (chết); có vợ Trần Thị K, sinh năm 1987 và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Đặng Văn L*: Ông **Đặng Văn N**, là Luật sư Văn phòng Luật sư Đặng Văn N thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Ngoài ra, còn có bị cáo Lê Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Văn T không kháng cáo, không bị kháng nghị và không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 23 giờ 00 phút ngày 12/12/2018, tại chòi giữ tôm của ông Đặng Văn T thuộc Ấp N, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P kết hợp với Công an xã P bắt quả tang Nguyễn Văn N, Đặng Văn L, Đặng Thị S, Lê Văn T, Lê Thị N, Nguyễn Thị B, Lê Thị A đang đánh bạc thắng thua bằng tiền, thu giữ tại chiếu bạc số tiền là 8.500.000 đồng. Đến ngày 17, 18, 20 và 24/12/2018 Đặng Văn T, Huỳnh Văn P, Hồ Minh N, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn D đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P, tỉnh Bạc Liêu đầu thú và thừa nhận có cùng với Nguyễn Văn N, Đặng Văn L, Đặng Thị S, Lê Văn T, Lê Thị N, Nguyễn Thị B, Lê Thị A đánh bài ăn tiền tại chòi giữ tôm của ông Đặng Văn T vào ngày 12/12/2018.

Quá trình điều tra chứng minh được vào ngày 12/12/2018, các bị cáo đã có hành vi đánh bạc với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 13.810.000 đồng; trong đó: Lê Văn T đã mang theo số tiền 1.410.000 đồng, dùng vào việc đánh bạc 1.000.000 đồng, Lê Thị A mang theo 6.000.000 đồng dùng vào việc đánh bạc, Phan Văn C mang theo 1.700.000 đồng dùng vào việc đánh bạc, Lê Thị N mang theo 1.300.000 đồng dùng vào việc đánh bạc, Nguyễn Thị B mang theo 1.576.000 đồng, dùng vào việc đánh bạc 1.200.000 đồng, Đặng Văn L mang theo 1.500.000 đồng, dùng 1.000.000 đồng để đánh bạc, Đặng Thị S mang theo 600.000 đồng dùng vào việc đánh bạc, Huỳnh Văn P (Đ) mang theo 280.000 đồng dùng vào việc đánh bạc, Nguyễn Văn T và Hồ Minh N mỗi người mang theo 200.000 đồng dùng vào việc đánh bạc, Nguyễn Văn D mang theo 150.000 đồng dùng vào việc đánh bạc, Nguyễn Văn N mang theo 50.000 đồng và Lê Văn T cho 50.000 đồng – Nguyễn Văn N dùng hết 100.000 đồng vào việc đánh bạc và Đặng Văn T mang theo 80.000 đồng dùng vào việc đánh bạc.

Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2019/HS-ST ngày 04/7/2019 và Thông báo sửa đổi, bổ sung bản án số 03/2019/TB-TA ngày 11/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1/ Tuyên bố các bị cáo Lê Văn T, Lê Thị A, Phan Văn C, Lê Thị N, Nguyễn Thị B, Đặng Văn L, Đặng Thị S, Huỳnh Văn P (Đ), Nguyễn Văn T, Hồ Minh N, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn N, Đặng Văn T phạm tội “*Đánh bạc*”.

2/ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, o khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Lê Văn T** 09 (chín) tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 04/7/2019).

Giao bị cáo Lê Văn T cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự để giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự.

3/ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo **Phan Văn C** 10 (mười) tháng tù, thời điểm chấp hành hình phạt tính kể từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án. Nhưng được đối trừ thời gian tạm giữ từ ngày 13/12/2018 đến ngày 22/12/2018.

- Xử phạt bị cáo **Lê Thị N** 09 (chín) tháng tù, thời điểm chấp hành hình phạt tính kể từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án. Nhưng được đối trừ thời gian tạm giữ từ ngày 12/12/2018 đến ngày 21/12/2018.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị B** 09 (chín) tháng tù, thời điểm chấp hành hình phạt tính kể từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án. Nhưng được đối trừ thời gian tạm giữ từ ngày 12/12/2018 đến ngày 21/12/2018.

- Xử phạt bị cáo **Đặng Văn L** 09 (chín) tháng tù, thời điểm chấp hành hình phạt tính kể từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án. Nhưng được đối trừ thời gian tạm giữ từ ngày 12/12/2018 đến ngày 21/12/2018.

- Xử phạt bị cáo **Đặng Thị S** 07 (bảy) tháng tù, thời điểm chấp hành hình phạt tính kể từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án. Nhưng được đối trừ thời gian tạm giữ từ ngày 12/12/2018 đến ngày 21/12/2018.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn N** 06 (sáu) tháng tù, thời điểm chấp hành hình phạt tính kể từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

4/ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo **Lê Thị A** 01 (một) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tính kể từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án. Nhưng được đối trừ thời gian tạm giữ từ ngày 12/12/2018 đến ngày 21/12/2018.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** 06 (sáu) tháng tù, thời điểm chấp hành hình phạt tính kể từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn D** 06 (sáu) tháng tù, thời điểm chấp hành hình phạt tính kể từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

- Xử phạt bị cáo **Đặng Văn T** 06 (sáu) tháng tù, thời điểm chấp hành hình phạt tính kể từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

- Xử phạt bị cáo **Hồ Minh N** 06 (sáu) tháng tù, thời điểm chấp hành hình phạt tính kể từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

- Xử phạt bị cáo **Huỳnh Văn P** (Đ) 07 (bảy) tháng tù, thời điểm chấp hành hình phạt tính kể từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

5/ Về vật chứng: Áp dụng điểm điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tây đã qua sử dụng; 32 bộ bài chưa sử dụng; 04 cây đèn chiếu sáng (02 cây màu xanh, 01 cây màu xám, 01 cây màu trắng đỏ); 02 gói mì Hảo Hảo, 03 bịch sữa Nuti, 04 khoanh nhang ung muối; 01 chiếc chiếu lát đã qua sử dụng; 02 phích đựng nước màu đỏ.

- Trả bị cáo **Đặng Thị S** 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số Imel 1: 35366706796087.

- Trả bị cáo **Lê Thị N** 01 điện thoại di động hiệu Zip mobile (tình trạng bị thấm nước);

- Trả bị cáo **Nguyễn Thị B** 01 điện thoại di động hiệu COGO C11 (tình trạng bị thấm nước) và tiền Việt Nam 376.000 đồng;

- Trả bị cáo **Nguyễn Văn N** 01 điện thoại Nokia đã qua sử dụng số Imel1: 353397093976788//39 bên trong có số thuê bao 0855.921.591;

- Trả bị cáo **Đặng Văn L** 01 điện thoại hiệu (ni) vỏ có số IS 13252 và tiền Việt Nam 500.000 đồng;

- Trả bị cáo **Lê Văn T** 01 điện thoại di động Nokia, số Imel1: 356853079637460 bên trong có số thuê bao 0944.293.373 và tiền Việt Nam 410.000 đồng.

- Tịch thu phát mãi nộp Ngân sách Nhà nước 01 vỏ Composite dài 6,5m đã qua sử dụng; 01 máy nổ hiệu Honda GX200 đã qua sử dụng;

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 12.470.000 đồng.

(Vật chứng đang quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/5/2019 và biên lai thu tiền số 004644 ngày 17/5/2019 bút lục: 1054, 1055)

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/7/2019, các bị cáo Đặng Văn T, Đặng Văn L và Nguyễn Văn N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Bị cáo Nguyễn Văn T và Đặng Thị S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo và xin nhận lại 01 vỏ Composite dài 6,5m và 01 máy nổ hiệu Honda GX200 đã qua sử dụng.

Ngày 08/7/2019, các bị cáo Phan Văn C, Nguyễn Thị B và Nguyễn Văn D kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 10/7/2019, các bị cáo Hồ Văn N, Nguyễn Thị A, Lê Thị N và Huỳnh Văn P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Riêng đối với các bị cáo Cường, Bên và Dể bổ sung yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm: Vì động cơ vụ lợi mà các bị cáo Lê Văn T, Lê Thị A, Phan Văn C, Lê Thị N, Nguyễn Thị B, Đặng Văn L, Đặng Thị S, Huỳnh Văn P, Nguyễn Văn T, Hồ Minh N, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn N và Đặng Văn T đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc 13.810.000 đồng nên Tòa án sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” là đúng quy định. Tuy nhiên, Tòa án sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng nghiêm trọng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được như sau: Quyết định phân công Thư ký tiến hành tố tụng bà Nguyễn Thị Yên Ly nhưng quyết định xét xử, biên bản phiên tòa lại là Thư ký Ngô Văn Trường mà không có quyết định thay đổi Thư ký. Biên bản phiên tòa ghi Kiểm sát viên truy tố bị cáo D tại phần tranh tụng tại phiên tòa nhưng vụ án không có bị cáo D. Biên bản nghị án xử phạt bị cáo Huỳnh Văn P 06 (sáu) tháng tù trong khi bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo Huỳnh Văn P 07 (bảy) tháng tù. Khi quyết định hình phạt không đối trừ thời hạn tạm giữ đối với bị cáo Nguyễn Văn N. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 2 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2019/HS-PT ngày 04/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện P tỉnh Bạc Liêu tiến hành xét xử lại theo thủ tục chung.

Luật sư Đặng Văn N tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Đặng Văn L vì: Bị cáo Đặng Văn L chỉ tham gia chơi 04 ván. Khi cơ quan Công an bắt quả tang, bị cáo Đặng Văn L đã nghỉ tham gia chơi đánh bạc mà Cơ quan điều tra chưa chứng minh được tại thời điểm bị cáo Đặng Văn L chơi đánh bạc thì số tiền đánh bạc là bao nhiêu. Nếu Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội thì đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo vì bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và cha bị cáo là ông Đặng Văn Đ đã làm hồ sơ người có công đang chờ cấp trên công nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo được làm trong thời hạn kháng cáo và gửi đến Tòa án đúng theo quy định của pháp luật. Nội dung kháng cáo thuộc phạm vi kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ xác định đơn kháng cáo hợp lệ và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Vào ngày 12/12/2018, các bị cáo đã có hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền. Hình thức đánh bạc là dùng bài tây loại 52 lá, binh Ấn Độ 06 lá, chia 04 tụ bài, 01 tụ làm cái, 03 tụ còn lại thì thắng, thua trực tiếp với người làm cái (ai nhiều nút hơn nhà cái thì thắng, ít nút hơn nhà cái thì thua). Trong đó, bị cáo Huỳnh Văn P (Đ) và Phan Văn C thay phiên nhau làm cái, các bị cáo Đặng Văn L 01 tụ, bị cáo Nguyễn Thị B 01 tụ; khi Phan Văn C làm nhà cái thì bị cáo Huỳnh Văn P và bị cáo Lê Thị N 01 tụ. Các bị cáo còn lại tham gia ké thanh vào 03 tụ chơi chính. Tổng số tiền mà các bị cáo dùng vào việc đánh bạc vào ngày 12/12/2018 là 13.810.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” là có căn cứ, không xét xử oan cho các bị cáo.

[3] Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm như sau: Tại Biên bản nghị án, Hội đồng xét xử đã biểu quyết xử phạt bị cáo Huỳnh Văn P với mức án 06 (sáu) tháng tù nhưng bản án lại tuyên phạt bị cáo Huỳnh Văn P với mức án 07 (bảy) tháng tù là vi phạm tại khoản 1 Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự. Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm không có quyết định phân công hoặc thay đổi người tiến hành tố tụng đối với Thư ký phiên tòa ngày 04/7/2019; Biên bản phiên tòa ghi Kiểm sát viên truy tố bị cáo D tại phần tranh tụng tại phiên tòa nhưng vụ án không có bị cáo D; khi quyết định hình phạt Tòa án sơ thẩm không đối trừ thời hạn tạm giữ đối với bị cáo Nguyễn Văn N. Do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên Hội đồng xét xử quyết định hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2019/HS-PT ngày 04/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu để thụ lý, giải quyết lại theo thủ tục chung.

[4] Do án sơ thẩm bị hủy nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo.

[5] Như đã phân tích, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa và chấp nhận một phần đề nghị của Luật sư.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 2 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2019/HS-ST ngày 04/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2. Giao toàn bộ hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết lại theo thủ tục chung.

3. Về án phí: Áp dụng các điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm f khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo không phải chịu nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02b);
- CQTHA hình sự huyện P (01b);
- CQĐT huyện P (01b);
- VKSND huyện P (01b);
- TAND huyện P (01b);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Bạc Liêu (01b);
- Chi cục THADS huyện P (01b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu (01b);
- Bị cáo (12b);
- Lưu: HSVA, THCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Châu Văn Mỹ